

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
BỆNH VIỆN DA LIỄU

Số: /BVDL-TCHC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày tháng 7 năm 2026

V/v mời chào giá dịch vụ may trang phục
cho nhân viên y tế năm 2025-2026

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp dịch vụ may trang phục y tế.

Bệnh viện Da liễu thành phố Đà Nẵng có nhu cầu may trang phục cho nhân viên y tế năm 2025-2026.

Bệnh viện Da liễu kính mời các đơn vị quan tâm, cung cấp bảng chào giá cung cấp dịch vụ may trang phục cho nhân viên y tế, cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Da liễu thành phố Đà Nẵng.

2. Thông tin liên hệ của bộ phận tiếp nhận báo giá: Phòng Tổ chức Hành chính - Bệnh viện Da liễu thành phố Đà Nẵng, số 91 Dũng Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Số điện thoại: 0236.3756951 giờ hành chính trừ thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: Nhận trực tiếp tại Bệnh viện Da liễu thành phố Đà Nẵng, số 91 Dũng Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày phát hành thông báo chào giá đến **trước 16 giờ ngày 30 tháng 7 năm 2026**

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục: *theo phụ lục đính kèm.*

2. Địa điểm giao hàng, lắp đặt: tại Bệnh viện Da liễu thành phố Đà Nẵng.

3. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Theo quy định hiện hành.

Lưu ý: Hồ sơ chào giá bỏ vào phong bì, niêm phong kín, bên ngoài ghi rõ nội dung **tham gia chào giá cung cấp dịch vụ may trang phục y tế của Bệnh viện Da liễu thành phố Đà Nẵng** để theo dõi. Người tham dự chào giá phải ghi rõ họ tên, địa chỉ, số điện thoại liên hệ khi nộp hồ sơ. Đơn vị chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ chào giá và các Đơn vị chào giá đảm bảo độc lập, không liên quan với nhau.

Rất mong nhận được sự hợp tác của các đơn vị cung cấp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CNTT đăng Website;
- Lưu: VT, TCHC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Công Đức

Phụ lục

Danh mục trang phục y tế của Bệnh viện Da liễu thành phố Đà Nẵng năm 2025-2026

(Đính kèm Công văn chào giá số /BVDL-TCHC ngày tháng 7 năm 2026)

STT	Nội dung	Tiêu chuẩn	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Màu sắc	ĐVT	Số lượng
1	ÁO BLOUSE BÁC SĨ	- Áo blouse cổ bẻ Danton, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang hông.	Vải áo Kate Ford Thành phần : Polyeste 65,5% $\pm$ 3%, Bông 34,5% $\pm$ 3% Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Kiểu dệt : Vân điểm Khối lượng vải (g/m ²) : 161 $\pm$ 2 Mật độ sợi dọc (Sợi/10cm) : $\geq$ 292 Mật độ sợi ngang (Sợi/10cm) : $\geq$ 256 Độ bền đường may Dọc : $\geq$ 534 Độ bền đường may Ngang : $\geq$ 488 Thay đổi kích thước sau 3 lần giặt 40°C và làm khô (%) Dọc : -1,5 Thay đổi kích thước sau 3 lần giặt 40°C và làm khô (%) Ngang : -1,0 Độ thoáng khí tại 125Pa(cm ³ /s/cm ²):19,6 $\pm$ 3	Màu trắng	Cái	121
2	QUẦN BÁC SĨ, DƯỢC SĨ, ĐIỀU DƯỠNG, KỸ THUẬT Y	- Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau	Vải quần kaki Thành phần : Polyeste 75,6% $\pm$ 3%, Rayon 22,4% $\pm$ 3%, Spandex 2,0% $\pm$ 3% Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Kiểu dệt : Vân chéo 2/2 Khối lượng vải (g/m ²) : 248 $\pm$ 2 Mật độ (Sợi/10cm) Hướng 1: $\geq$ 441 Mật độ (Sợi/10cm) Hướng 2: $\geq$ 337 Độ bền đường may Hướng 1(N): $\geq$ 551 Độ bền đường may Hướng 2(N): $\geq$ 501	Màu trắng	Cái	172

STT	Nội dung	Tiêu chuẩn	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Màu sắc	ĐVT	Số lượng
			Thay đổi kích thước sau 3 lần giặt 40°C và làm khô (%) Dọc/Ngang: 0 Độ thoáng khí tại 125 Pa(cm ³ /s/cm ²):7,8±2			
3	MŨ BÁC SĨ, DƯỢC SĨ, ĐIỀU DƯỠNG, KỸ THUẬT Y	- Mũ tròn không vành/ Mũ ba lá (điều dưỡng nữ)	Vải Kate Ford Thành phần : Polyeste 65,5% ±3%, Bông 34,5% ±3% Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Kiểu dệt : Vân điểm Khối lượng vải (g/m ²) : 161 ±2 Mật độ sợi dọc (Sợi/10cm) : ≥292 Mật độ sợi ngang (Sợi/10cm) : ≥256 Độ bền đường may Dọc : ≥534 Độ bền đường may Ngang : ≥488 Thay đổi kích thước sau 3 lần giặt 40°C và làm khô (%) Dọc : -1,5 Thay đổi kích thước sau 3 lần giặt 40°C và làm khô (%) Ngang : -1,0 Độ thoáng khí tại 125Pa(cm ³ /s/cm ²):19,6 ±3	Màu trắng	Cái	45
4	ÁO BLOUSE DƯỢC SĨ	- Áo blouse, cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có khuy cài bên tên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang hông	Vải áo Kate Ford Thành phần : Polyeste 65,5% ±3%, Bông 34,5% ±3% Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Kiểu dệt : Vân điểm Khối lượng vải (g/m ²) : 161 ±2 Mật độ sợi dọc (Sợi/10cm) : ≥292 Mật độ sợi ngang (Sợi/10cm) : ≥256 Độ bền đường may Dọc : ≥534 Độ bền đường may Ngang : ≥488	Màu trắng	Cái	48

STT	Nội dung	Tiêu chuẩn	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Màu sắc	ĐVT	Số lượng
			Thay đổi kích thước sau 3 lần giặt 40°C và làm khô (%) Dọc : -1,5 Thay đổi kích thước sau 3 lần giặt 40°C và làm khô (%) Ngang : -1,0 Độ thoáng khí tại 125Pa(cm ³ /s/cm ²):19,6 ±3			
5	ÁO ĐIỀU DƯỠNG	- Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái; - Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,5 cm	Vải áo Kate Ford Thành phần : Polyeste 65,5% ±3%, Bông 34,5% ±3% Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Kiểu dệt : Vân điểm Khối lượng vải (g/m ²) : 161 ±2 Mật độ sợi dọc (Sợi/10cm) : ≥292 Mật độ sợi ngang (Sợi/10cm) : ≥256 Độ bền đường may Dọc : ≥534 Độ bền đường may Ngang : ≥488 Thay đổi kích thước sau 3 lần giặt 40°C và làm khô (%) Dọc : -1,5 Thay đổi kích thước sau 3 lần giặt 40°C và làm khô (%) Ngang : -1,0 Độ thoáng khí tại 125Pa(cm ³ /s/cm ²):19,6 ±3	Màu trắng	Cái	141
6	ÁO KỸ THUẬT Y	- Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái	Vải áo Kate Ford Thành phần : Polyeste 65,5% ±3%, Bông 34,5% ±3% Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Kiểu dệt : Vân điểm Khối lượng vải (g/m ²) : 161 ±2 Mật độ sợi dọc (Sợi/10cm) : ≥292 Mật độ sợi ngang (Sợi/10cm) : ≥256 Độ bền đường may Dọc : ≥534	Màu trắng	Cái	25

STT	Nội dung	Tiêu chuẩn	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Màu sắc	ĐVT	Số lượng
			Độ bền đường may Ngang : ≥ 488 Thay đổi kích thước sau 3 lần giặt 40°C và làm khô (%) Dọc : -1,5 Thay đổi kích thước sau 3 lần giặt 40°C và làm khô (%) Ngang : -1,0 Độ thoát khí tại 125Pa(cm ³ /s/cm ²):19,6 ±3			
7	ÁO NHÂN VIÊN TIẾT KHUẨN/ PHẪU THUẬT	- Áo cổ trái tim, chui đầu, ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái.	Vải áo Kate Ford Thành phần : Polyeste 65,5% ±3%, Bông 34,5% ±3% Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Kiểu dệt : Vân điểm Khối lượng vải (g/m ²) : 161 ±2 Mật độ sợi dọc (Sợi/10cm) : ≥ 292 Mật độ sợi ngang (Sợi/10cm) : ≥ 256 Độ bền đường may Dọc : ≥ 534 Độ bền đường may Ngang : ≥ 488 Thay đổi kích thước sau 3 lần giặt 40°C và làm khô (%) Dọc : -1,5 Thay đổi kích thước sau 3 lần giặt 40°C và làm khô (%) Ngang : -1,0 Độ thoát khí tại 125Pa(cm ³ /s/cm ²):19,6 ±3	Xanh cổ vịt	Cái	13
8	QUẦN NHÂN VIÊN TIẾT KHUẨN/ PHẪU THUẬT	- Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau	Vải quần kaki Thành phần : Polyeste 75,6%±3%, Rayon 22,4%±3%, Spandex 2,0%±3% Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Kiểu dệt : Vân chéo 2/2 Khối lượng vải (g/m ²) :248±2 Mật độ (Sợi/10cm) Hướng 1: ≥ 441 Mật độ (Sợi/10cm) Hướng 2: ≥ 337	Xanh cổ vịt	Cái	9

STT	Nội dung	Tiêu chuẩn	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Màu sắc	ĐVT	Số lượng
			Độ bền đường may Hướng 1(N): ≥ 551 Độ bền đường may Hướng 2(N): ≥ 501 Thay đổi kích thước sau 3 lần giặt 40°C và làm khô (%) Dọc/Ngang: 0 Độ thoáng khí tại 125 Pa($\text{cm}^3/\text{s}/\text{cm}^2$): $7,8 \pm 2$			
9	TRANG PHỤC CHĂM SÓC DA	- Áo cổ trái tim, chui đầu, ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái. - Túi áo, tay áo có viền trắng, viền rộng 0,5 cm - Quần âu 2 ly, 2 túi chéo	Vải áo, quần kaki Thành phần : Polyeste 75,6% $\pm$ 3%, Rayon 22,4% $\pm$ 3%, Spandex 2,0% $\pm$ 3% Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Kiểu dệt : Vân chéo 2/2 Khối lượng vải (g/m^2) : 248 ± 2 Mật độ (Sợi/10cm) Hướng 1: ≥ 441 Mật độ (Sợi/10cm) Hướng 2: ≥ 337 Độ bền đường may Hướng 1(N): ≥ 551 Độ bền đường may Hướng 2(N): ≥ 501 Thay đổi kích thước sau 3 lần giặt 40°C và làm khô (%) Dọc/Ngang: 0 Độ thoáng khí tại 125 Pa($\text{cm}^3/\text{s}/\text{cm}^2$): $7,8 \pm 2$	Màu xanh ngọc	Bộ	51
10	TRANG PHỤC HỘ LÝ, NHÂN VIÊN VỆ SINH	- Áo cổ trái tim, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang hông; phía trước có 2 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái. - Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. - Mũ tròn không vành	Vải áo, quần, mũ Kate Ford Thành phần : Polyeste 65,5% $\pm$ 3%, Bông 34,5% $\pm$ 3% Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Kiểu dệt : Vân điểm Khối lượng vải (g/m^2) : 161 ± 2 Mật độ sợi dọc (Sợi/10cm) : ≥ 292 Mật độ sợi ngang (Sợi/10cm) : ≥ 256 Độ bền đường may Dọc : ≥ 534 Độ bền đường may Ngang : ≥ 488	Màu xanh hòa bình	Bộ	38

STT	Nội dung	Tiêu chuẩn	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Màu sắc	ĐVT	Số lượng
			Thay đổi kích thước sau 3 lần giặt 40°C và làm khô (%) Dọc : -1,5 Thay đổi kích thước sau 3 lần giặt 40°C và làm khô (%) Ngang : -1,0 Độ thoáng khí tại 125Pa(cm ³ /s/cm ²):19,6 ±3			
11	TRANG PHỤC HÀNH CHÍNH VĂN PHÒNG, LÁI XE, NHÂN VIÊN KỸ THUẬT	- Áo sơ mi cổ đực cổ chân, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay. nẹp áo lật vào trong kiểu bu đông: Nam: có 1 túi bên trái, miệng bị túi đáy hơi lượn tròn, miệng túi may 1 đường 3cm - Quần âu 1 ly bong thân trước, 2 túi thẳng ở thân quần trước và 1 túi cơi đằng sau, kiểu 2 ly lật, cửa quần có khóa kéo, đầu cạp có 1 móc và 1 cúc nằm trong, có 6 đĩa chia đều, gấu quần làm chéch có mặt nguyệt. Nữ: thân trước và sau có 2 ly chiết từ gấu lên ngực áo Quần ôm hơi vẩy, có 2 túi thẳng ở thân trước và 1 túi cơi đằng sau, 2 ly chìm, túi thẳng / Chân váy kiểu	Vải áo Kate Ford Thành phần : Polyeste 65,5% ±3%, Bông 34,5% ±3% Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Kiểu dệt : Vân điểm Khối lượng vải (g/m ²) : 161 ±2 Mật độ sợi dọc (Sợi/10cm) : ≥292 Mật độ sợi ngang (Sợi/10cm) : ≥256 Độ bền đường may Dọc : ≥534 Độ bền đường may Ngang : ≥488 Thay đổi kích thước sau 3 lần giặt 40°C và làm khô (%) Dọc : -1,5 Thay đổi kích thước sau 3 lần giặt 40°C và làm khô (%) Ngang : -1,0 Độ thoáng khí tại 125Pa(cm ³ /s/cm ²):19,6 ±3 Quần/ váy Vải Kaki Thành phần : Polyeste 75,6%±3%, Rayon 22,4% ±3%, Spandex 2,0% ±3% Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Kiểu dệt : Vân chéo 2/2 Khối lượng vải (g/m ²) : 248±2 Mật độ (Sợi/10cm) Hướng 1: ≥441 Mật độ (Sợi/10cm) Hướng 2: ≥ 337 Độ bền đường may Hướng 1(N): ≥551	Áo màu trắng/ xanh hòa bình/ xanh đen Quần/váy màu đen	Bộ	73

STT	Nội dung	Tiêu chuẩn	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Màu sắc	ĐVT	Số lượng
		jupe, tối thiểu dài ngang gối.	Độ bền đường may Hướng 2(N): ≥ 501 Thay đổi kích thước sau 3 lần giặt 40°C và làm khô (%) Dọc/Ngang: 0 Độ thoát khí tại 125 Pa($\text{cm}^3/\text{s}/\text{cm}^2$): $7,8 \pm 2$			
12	TRANG PHỤC BẢO VỆ	- Áo cổ đực, cài cúc giữa, có nẹp cầu vai, dài tay hoặc ngắn tay, gấu tay có măng xéc hoặc lơ vê, 2 túi có nắp, có khuy cài bên trên ngực trái. - Quần âu 2 ly, có 1 túi sau	Vải áo Kate Ford Thành phần : Polyeste 65,5% $\pm 3\%$, Bông 34,5% $\pm 3\%$ Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Kiểu dệt : Vân điểm Khối lượng vải (g/m^2) : 161 ± 2 Mật độ sợi dọc (Sợi/10cm) : ≥ 292 Mật độ sợi ngang (Sợi/10cm) : ≥ 256 Độ bền đường may Dọc : ≥ 534 Độ bền đường may Ngang : ≥ 488 Thay đổi kích thước sau 3 lần giặt 40°C và làm khô (%) Dọc : -1,5 Thay đổi kích thước sau 3 lần giặt 40°C và làm khô (%) Ngang : -1,0 Độ thoát khí tại 125Pa($\text{cm}^3/\text{s}/\text{cm}^2$): $19,6 \pm 3$ Quần vải Kaki Thành phần : Polyeste 75,6% $\pm 3\%$, Rayon 22,4% $\pm 3\%$, Spandex 2,0% $\pm 3\%$ Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Kiểu dệt : Vân chéo 2/2 Khối lượng vải (g/m^2) : 248 ± 2 Mật độ (Sợi/10cm) Hướng 1: ≥ 441 Mật độ (Sợi/10cm) Hướng 2: ≥ 337 Độ bền đường may Hướng 1(N): ≥ 551 Độ bền đường may Hướng 2(N): ≥ 501	Áo màu xanh coban sẫm Quần màu đen/xanh đen	Bộ	20

STT	Nội dung	Tiêu chuẩn	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Màu sắc	ĐVT	Số lượng
			Thay đổi kích thước sau 3 lần giặt 40°C và làm khô (%) Dọc/Ngang: 0 Độ thoáng khí tại 125 Pa(cm ³ /s/cm ²):7,8±2			
13	MŨ BẢO VỆ	- Mũ kiểu kê pi	Vải Kaki Thành phần : Polyeste 75,6%±3%, Rayon 22,4% ±3%, Spandex 2,0% ±3% Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Kiểu dệt : Vân chéo 2/2 Khối lượng vải (g/m2) : 248±2 Mật độ (Sợi/10cm) Hướng 1: ≥441 Mật độ (Sợi/10cm) Hướng 2: ≥ 337 Độ bền đường may Hướng 1(N): ≥551 Độ bền đường may Hướng 2(N): ≥501 Thay đổi kích thước sau 3 lần giặt 40°C và làm khô (%) Dọc/Ngang: 0 Độ thoáng khí tại 125 Pa(cm ³ /s/cm ²):7,8±2	Màu xanh đen	Cái	6